

Vacomuc 600
Acetylcystein 600 mg
TIÊU ĐỒM - GIẢM HO

Avacopharm



Hộp 10 gói x 2 g

Vacomuc 600
Acetylcystein 600 mg
TIÊU ĐỒM - GIẢM HO

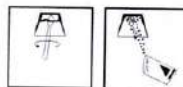


10 gói
CỐM PHA
DỊCH UỐNG

Công ty Cổ Phần Dược VACOPHARM
59 Nguyễn Huệ, Phường 1, Thành phố Tân An, Tỉnh Long An
Điện thoại: 02723 826111 - 829311
Sản xuất tại: Km 1954, quốc lộ 1A, Phường Tân Khánh,
Thành phố Tân An, Tỉnh Long An www.vacopharm.com

MÃ SỐ MÃ VẠCH MÃ QR CODE

THÀNH PHẦN
N-acetyl-L-cysteine 600 mg
(Acetylcysteine)
Tà được v.d gói 2 g
CHỈ ĐỊNH, CÁCH DÙNG, LIỀU DÙNG,
CHỐNG CHỈ ĐỊNH: xem tờ hướng dẫn sử
dụng kèm theo.



Box of 10 sachets x 2 g granules
Vacomuc 600
Acetylcysteine 600 mg
MUCOLYTIC - COUGH RELIEF



10 sachets
GRANULES
FOR ORAL SOLUTION

Số lô SX:
Ngày SX:
HD

Để xa tầm tay của trẻ em
Đọc kỹ hướng dẫn sử dụng trước khi dùng
Bảo quản nơi khô ráo, thoáng mát,
tránh ánh sáng, nhiệt độ không quá 30°C

CÁC THÔNG TIN KHÁC XEM TỜ
HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG KÈM THEO

Tiêu chuẩn chất lượng: NSX
SDK :



Vacopharm

Vacomuc 600

Acetylcystein 600 mg

TIÊU ĐỀM - GIẢM HO



Hộp 20 gói x 2 g

Vacomuc 600

Acetylcystein 600 mg

TIÊU ĐỀM - GIẢM HO



Vacopharm

20 gói
CÓM PHA
DỊCH UỐNG

THÀNH PHẦN
N-acetyl-L-cysteine 600 mg
(Acetylcysteine)
Tá dược v.đ gói 2 g

**CHỈ ĐỊNH, CÁCH DÙNG, LIỀU DÙNG,
CHỐNG CHỈ ĐỊNH:** xem tờ hướng dẫn sử
dụng kèm theo.

**CÁC THÔNG TIN KHÁC XEM TỜ
HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG KÈM THEO**

Công ty Cổ Phần Dược VACOPHARM
51 Nguyễn Huệ, Phường 1, Thành phố Tân An, Tỉnh Long An
Điện thoại: 02723 826111 - 829311
Sân xuất tại: Km 1954, quốc lộ 1A, Phường Tân Khánh,
Thành phố Tân An, Tỉnh Long An www.vacopharm.com

Box of 20 sachets x 2 g granules

Vacomuc 600

Acetylcysteine 600 mg

MUCOLYTIC - COUGH RELIEF



Vacopharm

20 sachets
GRANULES
FOR ORAL SOLUTION

Để xa tầm tay của trẻ em
Đọc kỹ hướng dẫn sử dụng trước khi dùng
Bảo quản nơi khô ráo, thoáng mát,
tránh ánh sáng, nhiệt độ không quá 30°C

MÃ SỐ MÃ VẠCH

MÃ QR CODE



Tiêu chuẩn chất lượng: NSX

SDK :

Số lô SX:

Ngày SX:

HD :





Box of 30 sachets x 2 g granules

Vacomuc 600

Acetylcysteine 600 mg
MUCOLYTIC - COUGH RELIEF



30 sachets
GRANULES
FOR ORAL SOLUTION

Để xa tầm tay của trẻ em
Đọc kỹ hướng dẫn sử dụng trước khi dùng
Bảo quản nơi khô ráo, thoáng mát,
tránh ánh sáng, nhiệt độ không quá 30°C

MÃ SỐ MÃ VẠCH

MÃ QR CODE



Tiêu chuẩn chất lượng: NSX

SĐK :

Số lô SX:

Ngày SX:

HD :



THÀNH PHẦN

N-acetyl-L-cysteine 600 mg
(Acetylcysteine)

Tá dược v.d gói 2 g

CHỈ ĐỊNH, CÁCH DÙNG, LIỀU DÙNG,
CHỐNG CHỈ ĐỊNH: xem tờ hướng dẫn sử
dụng kèm theo.

CÁC THÔNG TIN KHÁC XEM TỜ
HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG KÈM THEO

Công ty Cổ phần Dược VACOPHARM
59 Nguyễn Huệ, Phường 1, Thành phố Tân An, Tỉnh Long An
Điện thoại: 02723 826111 - 829311
Sân xuất tại: Km 1954, quốc lộ 1A, Phường Tân Khánh,
Thành phố Tân An, Tỉnh Long An www.vacopharm.com



30 gói
CÓM PHA
DUNG DỊCH UỐNG

Vacomuc 600

Acetylcystein 600 mg
TIÊU ĐỀM - GIẢM HO

Hộp 30 gói x 2 g

Vacomuc 600

Acetylcystein 600 mg
TIÊU ĐỀM - GIẢM HO

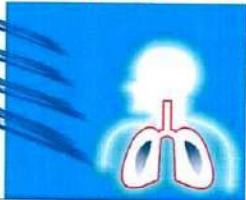


30 gói
CÓM PHA
DUNG DỊCH UỐNG

Vacomuc 600

Acetylcysteine 600 mg

Box of 50 sachets x 2 g granules



**MUCOLYTIC
COUGH RELIEF**

50 sachets
GRANULES
FOR ORAL SOLUTION



Để xa tầm tay của trẻ em
Đọc kỹ hướng dẫn sử dụng trước khi dùng
Bảo quản nơi khô ráo, thoáng mát,
tránh ánh sáng, nhiệt độ không quá 30°C



MÃ SỐ MÃ VẠCH

MÃ QR CODE

Tiêu chuẩn chất lượng: NSX

SĐK :

Số lô SX:

Ngày SX:

HD :

THÀNH PHẦN
N-acetyl-L-cysteine 600 mg
(Acetylcysteine)
Tá dược v.d gói 2 g

CHỈ ĐỊNH, CÁCH DÙNG, LIỀU DÙNG, CHỐNG CHỈ ĐỊNH
xem tờ hướng dẫn sử dụng kèm theo.

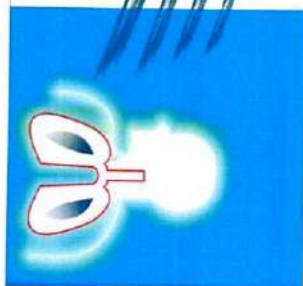
**CÁC THÔNG TIN KHÁC XEM TỜ
HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG KÈM THEO**

Công ty Cổ Phần Dược VACOPHARM

59 Nguyễn Huệ, Phường 1, Thành phố Tân An, Tỉnh Long An

Điện thoại: 02723 826111 - 829311

Sân xuất/tại: Km 1954, quốc lộ 1A, Phường Tân Khánh,
Thành phố Tân An, Tỉnh Long An www.vacopharm.com



**TIÊU ĐỒM
GIẢM HO**

50 gói
CÓM PHA
DUNG DỊCH UỐNG

Vacomuc 600

Acetylcystein 600 mg

Hộp 50 gói x 2 g

Hộp 50 gói x 2 g

Vacomuc 600

Acetylcystein 600 mg

**TIÊU ĐỒM
GIẢM HO**

50 gói
CÓM PHA
DUNG DỊCH UỐNG



Hộp 100 gói x 2 g cốm pha dung dịch uống

Vacomuc 600

Acetylcystein 600 mg



THÀNH PHẦN

N-acetyl-L-cysteine 600 mg
(Acetylcysteine)

Tá dược v.đ gói 2 g

CHỈ ĐỊNH, CÁCH DÙNG, LIỀU DÙNG, CHỐNG CHỈ

ĐỊNH: xem tờ hướng dẫn sử dụng kèm theo.

CÁC THÔNG TIN KHÁC XEM TỜ
HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG KÈM THEO

Công ty Cổ Phần Dược VACOPHARM

59 Nguyễn Huệ, Phường 1, Thành phố Tân An, Tỉnh Long An

Điện thoại: 02723 826111 - 829311

Sản xuất tại: Km 1954, quốc lộ 1A, Phường Tân Khánh,
Thành phố Tân An, Tỉnh Long An www.vacopharm.com

Để xa tầm tay của trẻ em
Đọc kỹ hướng dẫn sử dụng trước khi dùng
Bảo quản nơi khô ráo, thoáng mát,
tránh ánh sáng, nhiệt độ không quá 30°C

MÃ SỐ MÃ VẠCH

MÃ QR CODE

Tiêu chuẩn chất lượng: NSX

SĐK :

Số lô SX:

Ngày SX:

HD :



2. Nhãn trực tiếp trên đơn vị đóng gói nhỏ nhất

Nhãn gói 2 g

CỐM PHA DUNG DỊCH UỐNG

Gói 2 g

Vacomuc 600

Acetylcystein 600 mg

TIÊU ĐỜM - GIẢM HO



Công ty Cổ phần Dược VACOPHARM
Số Nguyễn Huệ, Phường 1, Thành phố Tân An, Tỉnh Long An
Điện thoại: 02723 826111 - 826112
Sản xuất tại: Km 1954, quốc lộ 1A, Phường Tân Khánh,
Thành phố Tân An, Tỉnh Long An. www.vacopharm.com

Số lô SX/HD:



THÀNH PHẦN
N-acetyl-L-cysteine 600 mg
(Acetylcysteine)
Tà được v.d gói 2 g
CHỈ ĐỊNH, CÁCH DÙNG, LIỀU DÙNG,
CHỐNG CHỈ ĐỊNH: xem tờ hướng dẫn
sử dụng kèm theo.
CÁC THÔNG TIN KHÁC XEM TỜ
HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG KÈM THEO



VACOMUC 600

Để xa tầm tay trẻ em.

Đọc kỹ hướng dẫn sử dụng trước khi dùng.
Nếu cần thêm thông tin xin hỏi ý kiến Bác sĩ.

Thành phần công thức thuốc: Mỗi gói chứa

Thành phần dược chất: N-acetyl-L-cystein (Acetylcystein) 600,0 mg

Thành phần tá dược: Polyvinyl pyrrolidon K30, lactose monohydrat, glucose monohydrat, màu erythrosin, bột hương vị dâu, acesulfam kali.

Dạng bào chế: Cốm pha dung dịch uống.

Thuốc cốm màu hồng, mùi dâu và mùi đặc trưng của dược chất.

Chỉ định

Điều trị tắc nghẽn phế quản trong đợt viêm phế quản cấp tính ở người lớn.

Cách dùng, liều dùng

Người lớn: Uống 1 gói/lần/ngày. Hòa thuốc vào nửa ly nước. Uống ngay sau khi pha.

Không nên sử dụng VACOMUC 600 này cho trẻ em và thanh thiếu niên, dùng các dạng thuốc và liều lượng khác phù hợp hơn.

Thời gian điều trị: Acetylcystein được dùng để điều trị triệu chứng và không nên sử dụng quá 6 ngày.

Chống chỉ định

Người quá mẫn với dược chất hoặc các chất có cấu trúc tương tự (như carbocystein, erdostein hoặc mecystein) hoặc với thành phần của thuốc.

Trẻ em dưới 2 tuổi.

Cảnh báo và thận trọng khi dùng thuốc

Cảnh báo đặc biệt

Những cơn ho có đờm, là một yếu tố cơ bản của việc bảo vệ phế quản, phải được tôn trọng.

Sự kết hợp giữa thuốc làm loãng chất nhầy ở phế quản với thuốc giảm ho và/hoặc chất làm khô chất tiết (atropinics) là không phù hợp.

Việc điều trị nên được đánh giá lại trong trường hợp dùng kéo dài hoặc các triệu chứng nặng hơn.

Khi điều trị với acetylcystein, có thể xuất hiện nhiều đờm loãng và tăng thể tích dịch tiết, nên thực hiện dẫn lưu và hút để lấy ra nếu người bệnh giảm khả năng ho.

Acetylcystein có tác dụng phụ thuộc vào liều lượng giải phóng histamin từ tế bào mast. Do tính phản ứng quá mức của phế quản ở bệnh nhân hen suyễn nên có nguy cơ xảy ra co thắt phế quản ở những bệnh nhân được điều trị bằng acetylcystein. Nếu xảy ra co thắt phế quản, nên ngừng điều trị ngay lập tức.

Các phản ứng da nghiêm trọng như hội chứng Stevens-Johnson và hội chứng Lyell đã được báo cáo khi dùng acetylcystein, nhưng những phản ứng này hiếm khi xảy ra. Trường hợp có những thay đổi mới trên da và niêm mạc nên hỏi ý kiến bác sĩ và ngừng dùng acetylcystein ngay lập tức.

Các nghiên cứu *in vitro* cho thấy acetylcystein làm giảm kết tập tiểu cầu. Ý nghĩa lâm sàng của việc này chưa được biết. Cần thận trọng ở những bệnh nhân có nguy cơ chảy máu cao.

Thận trọng khi sử dụng

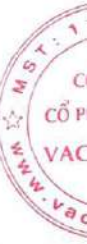
Cần thận trọng khi sử dụng ở những bệnh nhân bị loét dạ dày tá tràng hoặc có tiền sử bệnh này, đặc biệt trong trường hợp dùng đồng thời với các thuốc khác có tác dụng kích ứng trên niêm mạc dạ dày.

Cảnh báo tá dược

Thuốc có chứa tá dược màu, có thể gây dị ứng.

Thuốc này có chứa dưới 1 mmol (39 mg) kali trong mỗi gói, về cơ bản được xem như không chứa kali.

Những bệnh nhân không dung nạp được galactose, thiếu hụt enzym lactase hoặc kém hấp thu glucose-galactose thì không nên dùng thuốc này.



Sử dụng thuốc cho phụ nữ có thai và cho con bú

Các nghiên cứu trên động vật không chỉ ra tác động có hại trực tiếp hoặc gián tiếp liên quan đến độc tính sinh sản. Để phòng ngừa, tốt nhất là tránh sử dụng acetylcystein trong khi mang thai.

Không đủ thông tin về sự bài tiết acetylcystein trong sữa mẹ. Không thể loại trừ nguy cơ cho trẻ sơ sinh, trẻ nhỏ.

Ảnh hưởng của thuốc lên khả năng lái xe, vận hành máy móc

Acetylcystein không ảnh hưởng đến khả năng lái xe và sử dụng máy móc.

Tương kỵ, tương tác thuốc

Phối hợp đồng thời thuốc làm loãng chất nhầy với các thuốc ức chế ho là không hợp lý, có thể dẫn đến tích tụ dịch tiết phế quản.

Than hoạt tính có thể làm giảm tác dụng của acetylcystein.

Các thử nghiệm *in vitro* khi phối hợp kháng sinh (aminoglycosid, penicillin, tetracyclin) và acetylcystein cho thấy có một lượng kháng sinh bị bất hoạt. Nên dùng thuốc kháng sinh đường uống ít nhất hai giờ trước hoặc sau khi dùng acetylcystein. Điều này không áp dụng đối với kháng sinh cefixim hoặc loracarbef.

Sử dụng đồng thời glyceryl trinitrat và acetylcystein có thể làm tăng tác dụng ức chế kết tập tiểu cầu và giãn mạch của glyceryl trinitrat. Nếu cần sử dụng đồng thời nitroglycerin và acetylcystein, bệnh nhân cần được theo dõi và cảnh báo hạ huyết áp có thể nặng và kèm theo đau đầu.

Acetylcystein có thể ảnh hưởng đến xét nghiệm so màu của salicylat.

Acetylcystein có thể cho kết quả dương tính giả khi xét nghiệm định lượng nồng độ ceton trong nước tiểu.

Tương kỵ

Acetylcystein phản ứng với một số kim loại, đặc biệt sắt, niken, đồng và với cao su. Cần tránh thuốc tiếp xúc với các chất đó. Không được dùng các máy phun mù có các thành phần bằng kim loại hoặc cao su.

Tác dụng không mong muốn (ADR)

Acetylcystein có giới hạn an toàn rộng. Tuy hiếm gặp cơ thất phế quản rõ ràng trong lâm sàng do acetylcystein, nhưng vẫn có thể xảy ra với tất cả các dạng thuốc chứa acetylcystein.

Tần suất tác dụng không mong muốn ước tính được phân loại theo quy ước sau đây: Rất thường gặp ($ADR \geq 1/10$), Thường gặp ($1/100 \leq ADR < 1/10$), Ít gặp ($1/1.000 \leq ADR < 1/100$), Hiếm gặp ($1/10.000 \leq ADR < 1/1.000$), Rất hiếm gặp ($ADR < 1/10.000$), Chưa rõ (không ước tính được từ dữ liệu sẵn có).

Hệ cơ quan	Tần suất	Các biểu hiện
Rối loạn hệ miễn dịch	Ít gặp	Quá mẫn
	Rất hiếm gặp	Sốc phản vệ, phản ứng phản vệ
Rối loạn hệ thần kinh	Ít gặp	Đau đầu
Rối loạn tai và ốc tai	Ít gặp	Ù tai
Rối loạn tim mạch	Ít gặp	Nhịp tim nhanh
Rối loạn máu	Rất hiếm gặp	Xuất huyết
Rối loạn hô hấp, lồng ngực và trung thất	Hiếm gặp	Cơ thất phế quản, khó thở
Rối loạn tiêu hóa	Ít gặp	Nôn, buồn nôn, tiêu chảy, đau bụng
	Hiếm gặp	Chứng khó tiêu
Rối loạn da và mô dưới da	Ít gặp	Mày đay, phát ban, phù mạch, ngứa
Rối loạn chung	Ít gặp	Sốt
	Chưa rõ	Phù mắt
Đang theo dõi	Ít gặp	Huyết áp thấp

Các phản ứng da nghiêm trọng như hội chứng Stevens-Johnson và hoại tử biểu bì nghiêm trọng đã được báo cáo khi sử dụng acetylcystein. Trong hầu hết các báo cáo, có ít nhất một loại thuốc khác được sử dụng đồng thời, có khả năng làm tăng tác dụng đến niêm mạc.

Trong trường hợp tổn thương da và niêm mạc tái phát, nên ngừng sử dụng acetylcystein và gặp bác sĩ để được tư vấn.

Giảm kết tập tiểu cầu trong máu với sự hiện diện của acetylcystein đã được xác nhận bởi các nghiên cứu khác nhau. Cho đến nay mối liên quan đến lâm sàng vẫn chưa được làm sáng tỏ.

Hướng dẫn cách xử trí ADR

Phải điều trị ngay phản ứng phản vệ bằng tiêm dưới da adrenalin (0,3-0,5 ml dung dịch 1/1000), thở oxy 100%, đặt nội khí quản nếu cần, truyền dịch tĩnh mạch để tăng thể tích huyết tương, hít thuốc chủ vận beta-adrenergic nếu có thất phế quản, tiêm tĩnh mạch 500 mg hydrocortison hoặc 125 mg methylprednisolon.

Thông báo ngay cho bác sĩ hoặc dược sĩ những tác dụng không mong muốn gặp phải khi sử dụng thuốc.

Quá liều và cách xử trí

Các triệu chứng quá liều như buồn nôn, nôn mửa và tiêu chảy.

Xử trí: Điều trị theo triệu chứng.

Nhóm dược lý: Thuốc tiêu chất nhầy.

Mã ATC: R05CB01.

Quy cách đóng gói

STT	Mô tả tóm tắt quy cách đóng gói
1	Ép gói 2,0 gam, hộp 10 gói
2	Ép gói 2,0 gam, hộp 20 gói
3	Ép gói 2,0 gam, hộp 30 gói
4	Ép gói 2,0 gam, hộp 50 gói
5	Ép gói 2,0 gam, hộp 100 gói

Điều kiện bảo quản: Nơi khô ráo, thoáng mát, tránh ánh sáng, nhiệt độ không quá 30°C.

Hạn dùng: 24 tháng kể từ ngày sản xuất.

Tiêu chuẩn chất lượng: NSX

Tên, địa chỉ của cơ sở đăng ký và sản xuất



Công ty Cổ phần Dược VACOPHARM
Số 59 Nguyễn Huệ, Phường 1, Thành phố Tân An,
Tỉnh Long An

Điện thoại: 02723 826111-829311

Sản xuất tại: Km 1954, Quốc lộ 1A, Phường Tân Khánh,
Thành phố Tân An, Tỉnh Long An

www.vacopharm.com

Long An, ngày 18 tháng 01 năm 2025

KT. Tổng Giám đốc Công ty

Phó Tổng Giám đốc



KS. Phan Thị Minh Thư